

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 881/QĐ-UBND

Vĩnh Phúc, ngày 08 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh Đề án hỗ trợ người có công với cách mạng
và thân nhân liệt sĩ về nhà ở trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc năm 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 2 năm 2025;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng ngày 09 tháng 12 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

Căn cứ Quyết định số 21/2024/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về mức hỗ trợ xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở đối với người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ và tỷ lệ phân bổ vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương, tỷ lệ đối ứng vốn hỗ trợ từ ngân sách địa phương giai đoạn 2023 – 2025;

Căn cứ Thông báo số 100/TB-UBND ngày 31/3/2025 của UBND tỉnh về kết quả phiên họp UBND tỉnh tháng 02 năm 2025,

Căn cứ Quyết định số 646/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ về nhà ở trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc năm 2025,

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại tờ trình số 118/TTr-SXD ngày 24 tháng 4 năm 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo quyết định này điều chỉnh Đề án hỗ trợ người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ về nhà ở trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc năm 2025: Tổng số hộ người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ cần hỗ trợ

trợ về nhà ở là: 932 hộ, trong đó xây dựng mới là: 345 hộ; cải tạo sửa chữa là: 587 hộ.

Điều 2. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 646/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ về nhà ở trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc năm 2025.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Nội vụ, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn, Thủ trưởng các cơ quan và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Khắc Hiếu

ĐỀ ÁN
HỖ TRỢ NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG VÀ THÂN NHÂN LIỆT
SĨ VỀ NHÀ Ở TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VINH PHÚC NĂM 2025
(Ban hành kèm theo Quyết định số 881/QĐ-UBND ngày 08/5/2025
của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Sự cần thiết xây dựng Đề án

Vĩnh Phúc là tỉnh giàu truyền thống cách mạng, trong các cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc, Vĩnh Phúc đã đóng góp nhiều sức người, sức của cùng với quân và dân trong cả nước giành lại độc lập, thống nhất nước. Hiện nay, Vĩnh Phúc đã, đang và tiếp tục là một trong những tỉnh đi đầu cả nước về thực hiện công tác đền ơn, đáp nghĩa đối với người có công với cách mạng trong hai cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc.

Chính sách đối với người có công với cách mạng là một chính sách lớn của Đảng và nhà nước. Trong những năm qua công tác chăm lo cho đối tượng người có công với cách mạng ở tỉnh Vĩnh Phúc luôn được các cấp ủy Đảng, Chính quyền từ tỉnh đến cơ sở đặc biệt quan tâm, góp phần nâng cao nhận thức xã hội, kêu gọi các doanh nghiệp, cộng đồng dân cư tích cực cùng tham gia vào công tác hỗ trợ, ủng hộ, chăm lo đời sống của người có công. Việc thực hiện được kết hợp, lồng ghép với các hình thức hỗ trợ khác: hỗ trợ về ngày công lao động; kinh phí từ quỹ Đền ơn đáp nghĩa; hỗ trợ kinh phí từ các tổ chức, cá nhân... từ đó đã góp phần giảm số lượng hộ gia đình người có công có khó khăn về nhà ở.

Để triển khai thực hiện tốt chính sách hỗ trợ nhà ở đối với người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ trên địa bàn tỉnh, việc xây dựng “Đề án hỗ trợ người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ về nhà ở trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc” là cần thiết, đảm bảo quy định tại Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng và Quyết định số 21/2024/QĐ-TTg ngày 22/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành về việc Quyết định về mức hỗ trợ xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở đối với người có công với cách mạng,

thân nhân liệt sĩ và tỷ lệ phân bổ vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương, tỷ lệ đối ứng vốn hỗ trợ từ ngân sách địa phương giai đoạn 2023 – 2025.

2. Căn cứ xây dựng Đề án

- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng ngày 09 tháng 12 năm 2020;

- Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

- Quyết định số 21/2024/QĐ-TTg ngày 22/11/2024 về mức hỗ trợ xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở đối với người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ và tỷ lệ phân bổ vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương, tỷ lệ đối ứng vốn hỗ trợ từ ngân sách địa phương giai đoạn 2023 - 2025.

II. NỘI DUNG HỖ TRỢ

1. Mục tiêu hỗ trợ

Hỗ trợ người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ về nhà ở góp phần ổn định cuộc sống, nâng cao chất lượng nhà ở của người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ trên địa bàn tỉnh

2. Nguyên tắc hỗ trợ

- Việc hỗ trợ người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ về nhà ở thực hiện theo phương châm Nhà nước hỗ trợ, cộng đồng giúp đỡ, hộ gia đình tham gia đóng góp để xây dựng, cải tạo, sửa chữa nhà ở đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng và phù hợp với điều kiện cụ thể của từng hộ gia đình; kết hợp lồng ghép với các chương trình đầu tư, hỗ trợ khác của Trung ương và địa phương để phát huy hiệu quả chính sách.

- Việc hỗ trợ người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ về nhà ở phải đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng.

3. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ

3.1. Đối tượng hỗ trợ

- Đối tượng được quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, g, h, i, k, l, m tại khoản 1 Điều 3 Pháp lệnh và thân nhân liệt sĩ (khoản 1 Điều 99 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ).

- Tổng số nhà hỗ trợ cho người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ là **932 nhà** (làm mới 345 nhà; sửa chữa: 587 nhà), trong đó số nhà cần làm mới và sửa chữa chia theo từng địa phương cụ thể như sau:

stt	Tên đơn vị hành chính	Tổng số hộ cần hỗ trợ xây dựng nhà ở trên địa bàn (hộ)		
		Tổng số (hộ)	Số hộ xây dựng mới nhà ở (hộ)	Số hộ cải tạo nhà ở (hộ)
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)
1	Thành Phố Vĩnh Yên	13	5	8
2	Thành phố Phúc Yên	6	2	4
3	huyện Sông Lô	108	39	69
4	huyện Lập Thạch	420	130	290
5	huyện Tam Dương	110	38	72
6	huyện Tam Đảo	91	36	55
7	huyện Yên Lạc	73	49	24
8	huyện Vĩnh Tường	80	35	45
9	huyện Bình Xuyên	31	11	20
	Tổng số	932	345	587

(có danh sách các đối tượng được hưởng chính sách kèm theo)

3.2. Điều kiện hỗ trợ

- Là người có tên trong danh sách người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ do UBND các huyện, thành phố phê duyệt.

- Nhà ở mà hộ gia đình hiện đang ở và có hộ khẩu thường trú tại nhà ở là nhà tạm hoặc nhà ở bị hư hỏng nặng (kể cả các hộ đã được hỗ trợ theo các chính sách khác trước đây, trừ những hộ gia đình đã được hỗ trợ theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở) với các mức độ như sau:

+ Nhà ở phải phá dỡ để xây mới nhà ở.

+ Nhà ở phải sửa chữa khung, tường và thay mới mái nhà ở.

4. Yêu cầu về chất lượng nhà ở cần đạt được sau khi xây dựng mới hoặc sửa chữa phù hợp quy định tại khoản 3, điều 103 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP cụ thể như sau:

- Đối với trường hợp nhà ở phải phá dỡ để xây dựng lại thì sau khi được hỗ trợ, nhà ở mới được xây dựng phải đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu 30 m²; trường hợp hộ độc thân thì diện tích xây dựng nhà ở nhỏ hơn nhưng không thấp hơn 24 m². Nhà ở xây dựng mới phải đảm bảo “3 cứng” (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng), độ bền tối thiểu 20 năm.

- Đối với trường hợp nhà ở phải sửa chữa khung, tường và thay mới mái nhà ở thì sau khi sửa chữa phải bảo đảm tiêu chuẩn “2 cứng” (khung - tường cứng, mái cứng), có tuổi thọ từ 10 năm trở lên, nhưng không yêu cầu phải đúng tiêu chuẩn về diện tích sử dụng.

5. Nội dung kinh phí hỗ trợ

- Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (gồm ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương) với mức sau:

+ Hỗ trợ 60 triệu đồng/hộ đối với trường hợp xây mới nhà ở.

+ Hỗ trợ 30 triệu đồng/hộ đối với trường hợp cải tạo, sửa chữa nhà ở.

- Tổng kinh phí dự kiến: 38.310 triệu đồng, trong đó:

+ Nguồn ngân sách trung ương: 19.155 triệu đồng.

+ Nguồn ngân sách địa phương: 19.155 triệu đồng.

Stt	Tên đơn vị hành chính	Tổng số hộ cần hỗ trợ xây dựng nhà ở trên địa bàn (hộ)			Tổng số kinh phí thực hiện chính sách (triệu đồng)	Tỷ lệ phân bổ	
		Tổng số (hộ)	Số hộ xây dựng mới nhà ở (hộ)	Số hộ cải tạo nhà ở (hộ)		Vốn ngân sách trung ương (triệu đồng)	Vốn ngân sách địa phương (triệu đồng)
1	Thành Phố Vĩnh Yên	13	5	8	540	270	270

2	Thành phố Phúc Yên	6	2	4	240	120	120
3	huyện Sông Lô	108	39	69	4.410	2.205	2.205
4	huyện Lập Thạch	420	130	290	16.500	8.250	8.250
5	huyện Tam Dương	110	38	72	4.440	2.220	2.220
6	huyện Tam Đảo	91	36	55	3.810	1.905	1.905
7	huyện Yên Lạc	73	49	24	3.660	1.830	1.830
8	huyện Vĩnh Tường	80	35	45	3.450	1.725	1.725
9	huyện Bình Xuyên	31	11	20	1.260	630	630
	Tổng số	932	345	587	38.310	19.155	19.155

6. Tiến độ thực hiện

Hoàn thành hỗ trợ toàn bộ cho người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ có nhu cầu về nhà ở xong trước ngày 30/6/2025.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Xây dựng

- Chủ trì, phối hợp với các Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các ngành liên quan tổ chức thực hiện Đề án; Sau 03 ngày kể từ khi Đề án được phê duyệt, Sở Xây dựng có trách nhiệm ban hành hướng dẫn triển khai đề án.

- Thiết kế tối thiểu 03 mẫu nhà ở theo quy định tại Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ, tổ chức công bố công khai để người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ tham khảo, nghiên cứu áp dụng.

- Hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện Đề án đảm bảo yêu cầu và tiến độ; tổng hợp và định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 20 của tháng cuối quý.

2. Sở Nội vụ

- Hướng dẫn việc xác nhận đối tượng được hỗ trợ; thường xuyên cập nhật, tổng hợp danh sách các hộ được hỗ trợ;

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố rà soát, kiểm tra, đảm bảo đúng đối tượng được hỗ trợ. Định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh

về tình hình triển khai thực hiện Đề án vào ngày 15 của tháng cuối quý hoặc khi có yêu cầu, đồng thời gửi về Sở Xây dựng để tổng hợp.

3. Sở Tài chính

- Tham mưu cân đối, bố trí nguồn vốn từ ngân sách địa phương; Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án phân bổ nguồn vốn cho các địa phương đảm bảo đủ kinh phí triển khai thực hiện Đề án đúng tiến độ.

- Hướng dẫn công tác quản lý, cấp phát, thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ cho hộ gia đình người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ từ nguồn ngân sách tỉnh theo quy định.

- Tổng hợp, tham mưu cho UBND tỉnh báo cáo quyết toán kinh phí thực hiện Đề án gửi các Bộ, ngành có liên quan khi có yêu cầu.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Chỉ đạo, phổ biến, quán triệt sâu rộng nội dung của Đề án tới toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa bàn.

- Sau 07 ngày kể từ khi Đề án được phê duyệt UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện trên địa bàn đảm bảo đúng tiến độ yêu cầu; Hỗ trợ đúng quy định về chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ gia đình người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ và các văn bản liên quan.

- Chủ động vận động các nguồn lực xã hội, huy động từ cộng đồng, dòng họ và đóng góp của hộ gia đình để có thể hỗ trợ thêm cho các hộ gia đình người có công với cách mạng trên địa bàn. Đối với các hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, không có khả năng tự tổ chức làm nhà, các địa phương có trách nhiệm huy động hệ thống chính trị, đặc biệt là sự tham gia của các tổ chức đoàn thể và cộng đồng dân cư nơi đối tượng cư trú để tổ chức làm nhà cho các đối tượng.

- Thực hiện việc quản lý, cấp phát, thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ cho hộ gia đình người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ theo quy định, đồng thời chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị có liên quan hoàn thiện hồ sơ thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ làm nhà đối với các nhà được hỗ trợ từ nguồn kinh phí huy động hợp pháp khác.

- Chỉ đạo các xã, phường, thị trấn thực hiện:

- + Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ của xã, phường, thị trấn gồm đại diện chính quyền, đại

diện Mặt trận tổ quốc, đại diện Hội Cựu chiến binh để tổ chức triển khai Đề án; Thực hiện công khai chính sách hỗ trợ nhà ở theo quy định.

+ Lập danh sách hộ gia đình người có công với cách mạng đảm bảo đúng đối tượng; Phân công cụ thể cán bộ phụ trách thôn, tổ dân phố hướng dẫn, đôn đốc các hộ gia đình người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ xây mới, sửa chữa nhà ở theo tiến độ Đề án.

+ Thực hiện hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, vận động việc xây dựng nhà ở đảm bảo yêu cầu về diện tích, chất lượng nhà ở theo quy định của Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ.

- Báo cáo kết quả thực hiện, đánh giá tiến độ hàng quý gửi Sở Xây dựng; Sở Nội vụ vào ngày 10 của tháng cuối quý hoặc khi có yêu cầu.

5. Báo Vĩnh Phúc

Hướng dẫn các cơ quan báo chí, truyền thông đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến về nội dung Đề án.

6. Đài phát thanh và truyền hình tỉnh

Tập trung tuyên truyền, phổ biến các nội dung Đề án và tình hình triển khai thực hiện tại các địa phương trong tỉnh, qua đó tạo sự đồng thuận cao trong xã hội, huy động trách nhiệm, sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, các doanh nghiệp và nhân dân các dân tộc trên địa bàn tỉnh trong việc tích cực tham gia hỗ trợ nhà ở cho hộ gia đình người có công với cách mạng, hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là Đề án hỗ trợ người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ về nhà ở trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các cơ quan triển khai thực hiện./.

BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG, THÂN NHÂN LIỆT SỸ ĐƯỢC HỖ TRỢ VỀ NHÀ Ở

(kèm theo Quyết định số 881/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2025 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)

Stt	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở đề nghị hỗ trợ (thôn, TDP)	Thuộc diện xây mới nhà ở (tr/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (tr/hộ)
UBND huyện Vĩnh Tường				
I	CAO ĐẠI			
1	Nguyễn Thị Giữ	Cao Xá	60,000,000	
2	Vũ Văn Lâu	Đại Định	60,000,000	
3	Trương Đình Bản	Cao Xá	60,000,000	
II	CHẤN HƯNG			
1	Vũ Thị Bướm	Thôn Khoát		30,000,000
2	Phan Đình Phú	Thôn Khoát	60,000,000	
3	Cao Văn Nhiên	Thôn Nha	60,000,000	
4	Trần Quốc Lâm	Thôn Nha		30,000,000
5	Lại Quốc Bạc	Thôn Nha	60,000,000	
III	ĐẠI ĐỒNG			
1	Trần Thị Ngải	Thôn 1	60,000,000	
IV	KIM XÁ			
1	Chu Văn Sâm	Hoàng Hạ	60,000,000	
2	Nguyễn Thị Hữu	Thôn Nội		30,000,000
3	Nguyễn Thị Hậu	Cẩm Chiền		30,000,000
4	Nguyễn Xuân Trường	Cẩm Chiền	60,000,000	
5	Hoàng Trung Thông	Hoàng Trung	60,000,000	
6	Đỗ Đức Sinh	Hoàng Tân		30,000,000
7	Trần Văn Công	Hoàng Tân	60,000,000	
8	Nguyễn Bá Long	Hoàng Thượng	60,000,000	
V	LŨNG HÒA			
1	Dương Văn Long	Hoà Loan	60,000,000	

Stt	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở đề nghị hỗ trợ (thôn, TDP)	Thuộc diện xây mới nhà ở (tr/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (tr/hộ)
2	Đào Văn Nhân	Hoà Loan		30,000,000
3	Đường Văn Mã	Thôn Trung		30,000,000
VI	LÝ NHÂN			
1	Nguyễn Văn Sinh	Bàn Mạch	60,000,000	
2	Trần Văn Thành	Bàn Mạch		30,000,000
3	Hoàng Đình Tự	Văn Hà		30,000,000
VII	NGHĨA HÙNG			
1	Trần Văn Nam	Thôn Võ	60,000,000	
2	Bạch Thị Húng	Thôn Võ		30,000,000
3	Nguyễn Ngọc Long	Nghĩa Lập		30,000,000
4	Tạ Bá Mai	Nghĩa Lập		30,000,000
VIII	NGŨ KIÊN			
1	Nguyễn Văn Trung	Thôn Xám		30,000,000
2	Trương Thị Thúy	Thôn Dầu		30,000,000
3	Hoàng Văn Quyền	Thôn Mới		30,000,000
4	Hoàng Đình Lâu	Tân An	60,000,000	
5	Hoàng Văn Nhường	Tân An		30,000,000
6	Đào Thị Hoa	Cẩm Vực		30,000,000
7	Phạm Tiến Càn	Chung 2		30,000,000
8	Cao Đắc Đạm	Chung 2		30,000,000
9	Cao Đắc Lịch	Chung 2		30,000,000
IX	PHÚ ĐÀ			
1	Lê Thị Ty	Thôn Trung		30,000,000
2	Nguyễn Danh Lượng	Thôn Gò	60,000,000	
3	Trần Doãn Càn	Thôn Đông		30,000,000
4	Trần Thị Luyện	Thôn Đông		30,000,000
5	Hoàng Văn Thật	Bảo Trung	60,000,000	
X	TÂN TIẾN			
1	Bùi Hoàng Đan	Thôn Mới		30,000,000
2	Chu Văn Cay	Thôn Mới		30,000,000
3	Chu Minh Thịnh	Thôn Mới		30,000,000
4	Bùi Văn Nhân	Thôn Mới	60,000,000	
5	Đỗ Văn Non	Thượng Lạp		30,000,000

Stt	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở để nghị hỗ trợ (thôn, TDP)	Thuộc diện xây mới nhà ở (tr/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (tr/hộ)
XI	THƯỢNG TRUNG			
1	Lê Quang Đông	Chùa Chợ	60,000,000	
2	Nguyễn Văn Chiến	Thôn Lâm	60,000,000	
3	Lê Văn Đãi	Phú Thứ A	60,000,000	
4	Lê Đức Nhân	Thôn Đơi	60,000,000	
5	Cao Duy Giỏ	Phú Trung C	60,000,000	
XII	TT THỔ TANG			
1	Vũ Văn Nhã	Nam Cường		30,000,000
2	Lê Văn Côi	Lá Sen	60,000,000	
3	Vũ Tiến Khanh	Lá Sen	60,000,000	
4	Lê Thị Huyền	Phương Viên		30,000,000
5	Nguyễn Văn Tường	Phương Viên		30,000,000
6	Vũ Văn Chuối	Phương Viên		30,000,000
7	Nguyễn Trung Thông	Lá Sen	60,000,000	
XIII	TT TỨ TRUNG			
1	Đào Văn Hồng	Khu 2	60,000,000	
2	Lê Văn Lợi	Khu 2	60,000,000	
3	Nguyễn Văn Long	Khu 5		30,000,000
4	Đỗ Thị Tầm	Khu 5		30,000,000
5	Phùng Văn Chi	Khu 6	60,000,000	
6	Ngô Thị Tám	Khu 6	60,000,000	
XIV	VIỆT XUÂN			
1	Đặng Văn Mạch	Diệm Xuân		30,000,000
2	Trần Mạnh Cường	Phượng Lâu		30,000,000
3	Khổng Khắc Chính	Phượng Lâu		30,000,000
XV	VĨNH SƠN			
1	Hà Thiên Văn	Thôn 1	60,000,000	
2	Hạ Văn Sin	Thôn 5		30,000,000
3	Hạ Văn Quang	Thôn 4		30,000,000

Stt	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở để nghị hỗ trợ (thôn, TDP)	Thuộc diện xây mới nhà ở (tr/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (tr/hộ)
XVI	VŨ DI			
1	Đặng Đình Bất	Yên Nhiên		30,000,000
2	Nguyễn Thị Lan	Vũ Di		30,000,000
3	Lê Tuấn Ánh	Vũ Di		30,000,000
4	Đỗ Hồng Nhâm	Yên Nhiên		30,000,000
5	Lê Văn Sỹ	Xuân Lai		30,000,000
	YÊN LẬP			
1	Khổng Thị Thuận	Phủ Yên 2	60,000,000	
2	Bùi Hồng Cam	Phủ Yên 3		30,000,000
3	Nguyễn Văn Sơn	Phủ Yên 3	60,000,000	
4	Đào Văn Công	Phủ Yên 4		30,000,000
	THƯỢNG TRUNG			
1	Nguyễn Xuân Thạch	Phú Thứ B	60,000,000	
	Cộng		2,100,000,000	1,350,000,000
UBND huyện Yên Lạc				
I	THỊ TRẤN YÊN LẠC			
1	Nguyễn Văn Ván	TDP 4 Đông, TT Yên Lạc		30,000,000
2	Nguyễn Đặng Giáp	TDP 3 Trung, TT Yên Lạc		30,000,000
II	XÃ BÌNH ĐỊNH			
1	Phạm Văn Dĩ	Thôn Cốc Lâm, xã Bình Định	60,000,000	
2	Nguyễn Văn Ngôi	Thôn Cốc Lâm, xã Bình Định	60,000,000	
3	Bùi Văn Hải	Thôn Cốc Lâm, xã Bình Định	60,000,000	
4	Nguyễn Tiến Thụ	Thôn Cốc Lâm, xã Bình Định	60,000,000	
5	Bùi Văn Hàm	Thôn Cốc Lâm, xã Bình Định	60,000,000	
6	Bùi Văn Nho	Thôn Cốc Lâm, xã Bình Định	60,000,000	

Stt	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở để nghị hỗ trợ (thôn, TDP)	Thuộc diện xây mới nhà ở (tr/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (tr/hộ)
7	Nguyễn Văn Xuyên	Thôn Cốc Lâm, xã Bình Định	60,000,000	
8	Nguyễn Quang Chịch	Thôn Đại Nội, xã Bình Định	60,000,000	
9	Vũ Trọng Bích	Thôn Yên Quán, xã Bình Định		30,000,000
III	XÃ ĐẠI TỰ			
1	Nguyễn Duy Thu	Thôn Đại Tự 4, xã Đại Tự	60,000,000	
2	Văn Tiến Cẩn	Thôn Đại Tự 4, xã Đại Tự		30,000,000
3	Nguyễn Xuân Sinh	Thôn Tam Kỳ 3, xã Đại Tự	60,000,000	
IV	XÃ ĐỒNG CƯƠNG			
1	Ngô Văn Vượng	Thôn Chi Chi, xã Đồng Cương	60,000,000	
V	XÃ ĐỒNG VĂN			
1	Nguyễn Văn Tửu	Thôn Yên Lạc 1, xã Đồng Văn	60,000,000	
VI	XÃ HỒNG CHÂU			
1	Đặng Anh Sắc	Thôn 6, xã Hồng Châu		30,000,000
2	Đặng Quốc Mộc	Thôn 7, xã Hồng Châu		30,000,000
VII	XÃ HỒNG PHƯƠNG			
VIII	XÃ LIÊN CHÂU			
1	Đỗ Ngọc Mô	Thôn Nhật Tiến 1, xã Liên Châu	60,000,000	
2	Nguyễn Văn Cảnh	Thôn Nhật Tiến 1, xã Liên Châu	60,000,000	
3	Đỗ Văn Nhân	Thôn Nhật Tiến 1, xã Liên Châu	60,000,000	
4	Đỗ Hữu Bính	Thôn Nhật Tiến 1, xã Liên Châu	60,000,000	
5	Nguyễn Đức Lập	Thôn Thụ Ích 2, xã Liên Châu	60,000,000	

Stt	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở đề nghị hỗ trợ (thôn, TDP)	Thuộc diện xây mới nhà ở (tr/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (tr/hộ)
6	Bạch Văn Thành	Thôn Nhật Chiêu 4, xã Liên Châu	60,000,000	
IX	XÃ NGUYỆT ĐỨC			
1	Trần Hùng Loan	Thôn Nghinh Tiên 1	60,000,000	
2	Nguyễn Thị Thân	Thôn Nghinh Tiên 2	60,000,000	
3	Nguyễn Thế Ngọc	Thôn Nghinh Tiên 3	60,000,000	
4	Nguyễn Thị Hà	Thôn Nghinh Tiên 3	60,000,000	
5	Trần Quang Trình	Thôn Nghinh Tiên 3	60,000,000	
6	Trần Thị Tơ	Thôn Nghinh Tiên 3		30,000,000
7	Trần Thị Tâm	Thôn Phổ Lò	60,000,000	
8	Lê Xuân Hưng	Thôn Xuân Đài	60,000,000	
9	Tạ Văn Mùi	Thôn Đình Xá 1	60,000,000	
10	Trần Văn Khét	Thôn Đình Xá 1	60,000,000	
11	Nguyễn Thị Mọc	Thôn Đình Xá 3	60,000,000	
12	Tạ Văn Hậu	Thôn Đình Xá 4	60,000,000	
13	Nguyễn Thị Tiện	Thôn Đình Xá 4	60,000,000	
X	THỊ TRẤN TAM HỒNG			
1	Nguyễn Văn Thành	TDP Bình Lâm, TT Tam Hồng		30,000,000
2	Nguyễn Thị Lai	TDP Bình Lâm, TT Tam Hồng		30,000,000
3	Trịnh Thị Liên	TDP Bình Lâm, TT Tam Hồng		30,000,000
4	Lê Văn Pháo	TDP Nho Lâm, TT Tam Hồng		30,000,000
5	Lê Anh Kim	TDP Nho Lâm, TT Tam Hồng		30,000,000
6	Nguyễn Thị Út	TDP Bàng Mới, TT Tam Hồng		30,000,000
7	Nguyễn Văn Nho	TDP Bình Lâm, TT Tam Hồng	60,000,000	
8	Nguyễn Xuân Khê	TDP Lâm Xuyên 3, TT Tam Hồng	60,000,000	

Stt	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở đề nghị hỗ trợ (thôn, TDP)	Thuộc diện xây mới nhà ở (tr/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (tr/hộ)
9	Nguyễn Văn Chiến	TDP Bình Lâm, TT Tam Hồng	60,000,000	
10	Trần Thị Tân	TDP Tảo Phú, TT Tam Hồng	60,000,000	
11	Lê Văn Hoàn	TDP Nho Lâm, TT Tam Hồng	60,000,000	
12	Nguyễn Thị Nuôi	TDP Bàng Mới, TT Tam Hồng	60,000,000	
13	Nguyễn Ngọc Khanh	TDP Bàng Mới, TT Tam Hồng		30,000,000
XI	XÃ TÈ LỖ			
1	Nguyễn Văn Bảo	Thôn Giã Bàng 3, xã Tè Lỗ	60,000,000	
2	Nguyễn Văn Phà	Thôn Giã Bàng 3, xã Tè Lỗ	60,000,000	
3	Nguyễn Kim Cúc	Thôn Giã Bàng 3, xã Tè Lỗ		30,000,000
XII	XÃ TRUNG HÀ			
XIII	XÃ TRUNG KIÊN			
1	Phan Văn Sang	Lương 2-Trung Kiên	60,000,000	
2	Trần Văn Xuân	Gánh Đá-Trung Kiên	60,000,000	
3	Đỗ Thị Thanh	Xóm Chùa-Trung Kiên		30,000,000
4	Phan Thanh Thật	Xóm chùa-Trung Kiên		30,000,000
5	Nguyễn Thị Gái	Miêu Cốc-Trung Kiên		30,000,000
XIV	XÃ TRUNG NGUYÊN			
1	Nguyễn Văn Minh	Thôn Thiệu Tổ, xã Trung Nguyên	60,000,000	
XV	XÃ VĂN TIẾN			
1	Hoàng Văn Ngoạn	Thôn Đồng Cao, xã Văn Tiến	60,000,000	
2	Dương Thanh Bình	Thôn Phúc Cẩm xã Văn Tiến	60,000,000	

Stt	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở đề nghị hỗ trợ (thôn, TDP)	Thuộc diện xây mới nhà ở (tr/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (tr/hộ)
3	Vũ Văn Lý	Thôn Phúc Cẩm xã Văn Tiến	60,000,000	
XVI	XÃ YÊN ĐỒNG			
1	Mạc Văn Uyên	Thôn Gia, xã Yên Đồng	60,000,000	
2	Trần Huy Kiện	Thôn Yên Tâm, xã Yên Đồng	60,000,000	
XVII	XÃ YÊN PHƯƠNG			
1	Trần Thế Diệu	Thôn 3, xã Yên Phương		30,000,000
2	Nguyễn Hải Châu	Thôn 4, xã Yên Phương	60,000,000	
3	Nguyễn Thị Chon	Thôn 10, xã Yên Phương		30,000,000
4	Nguyễn Thị Hở	Thôn 1, xã Yên Phương	60,000,000	
5	Đỗ Văn Đô	Thôn 5, xã Yên Phương		30,000,000
6	Nông Văn Súng	Thôn 10, xã Yên Phương	60,000,000	
7	Trần Thị Kha	Thôn 10, xã Yên Phương		30,000,000
8	Trần Văn Nghị	Thôn 10, xã Yên Phương		30,000,000
9	Nguyễn Văn Bón	Thôn 1, xã Yên Phương		30,000,000
	TỔNG CỘNG		2,940,000,000	720,000,000
UBND huyện Sông Lô				
I	Xã Tân Lập			
1	Vũ Gia Khoát	thôn Xy	60,000,000	
2	Trần Văn Miên	thôn Đồng Sinh		30,000,000
3	Phù Thế Nga	thôn Đồng Sinh	60,000,000	
4	Trần Đại Đoàn	thôn Vân Nhưng		30,000,000
5	Nguyễn Kim Thịnh	thôn Cẩm Bình		30,000,000
6	Hoàng Văn Sâm	thôn Vân Nhưng		30,000,000
II	Xã Nhạo Sơn			
1	Lê Tiến Độ	thôn Lũng Gì		30,000,000

Stt	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở đề nghị hỗ trợ (thôn, TDP)	Thuộc diện xây mới nhà ở (tr/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (tr/hộ)
2	Nguyễn Thị Kỳ	thôn Lũng Gi	60,000,000	
3	Lê Văn Đua	thôn Hưng Đạo		30,000,000
4	Lê Đức Thản	thôn Hưng Đạo		30,000,000
5	Trần Văn Phượng	thôn Cửa Ngòi		30,000,000
6	Lâm Anh Sơn	thôn Cửa Ngòi		30,000,000
7	Trần Văn Nhân	thôn Ngọc Sơn		30,000,000
8	Lê Thị Tạo	thôn Lũng Gi		30,000,000
9	Trần Văn Minh	thôn Ngọc Sơn	60,000,000	
III	Xã Đồng Quế			
1	Dương Thanh Tùng	thôn Quế Trạo B	60,000,000	
2	Phạm Thị Thú	thôn Quế Trạo A	60,000,000	
3	Nguyễn Thị Sỷ	thôn Quế Trạo A	60,000,000	
4	Nguyễn Văn Ngạch	thôn Quế Trạo A		30,000,000
5	Dương Thị Vân	thôn Đào Kết		30,000,000
IV	Xã Lăng Công			
1	Hoàng Văn Hường	thôn Minh Tân		30,000,000
2	Nguyễn Ngọc Châu	thôn Phú Cường		30,000,000
V	Xã Quang Yên			
1	Nguyễn Xuân Liễn	thôn Lý Nhân		30,000,000
2	Dương Văn Hân	thôn Đồng Tâm		30,000,000
VI	Xã Hải Lựu			
1	Hán Văn Toại	thôn Đồng Tâm		30,000,000
2	Vũ Kim Thụ	thôn Dân Chủ		30,000,000
3	Vũ Đình Châu	thôn Làng Len		30,000,000
4	La Thị Tổ	thôn Đồng Tâm		30,000,000
5	Hà Hữu Lộc	thôn Thắng Lợi	60,000,000	
6	Đỗ Đình Ứng	thôn Thống Nhất	60,000,000	
7	Đặng Thị Vui	thôn Trung Kiên	60,000,000	
VII	Đôn Nhân			
1	Đỗ Thị Khả	thôn Hoà Bình		30,000,000
2	Nguyễn Văn Tuy	thôn Thượng		30,000,000
VIII	Nhân Đạo			
1	Phạm Thị Nha	thôn Đại Nghĩa		30,000,000
2	Đỗ Thị Hào	thôn Hồng Sinh		30,000,000
3	Nguyễn Thị Chế	thôn Trần Phú	60,000,000	
4	Nguyễn Thị Cảnh	thôn Lê Lợi		30,000,000
5	Nguyễn Tiến Dụng	thôn Lê Lợi		30,000,000

Stt	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở đề nghị hỗ trợ (thôn, TDP)	Thuộc diện xây mới nhà ở (tr/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (tr/hộ)
6	Trần Quang Khải	thôn Lê Lợi		30,000,000
7	Cao Minh Tùng	thôn Tiền Phong		30,000,000
8	Lương Sỹ Kim	thôn Tiền Phong		30,000,000
9	Nguyễn Văn Toán	thôn Lê Xoay	60,000,000	
10	Trần Xuân Hữu	thôn Lê Xoay		30,000,000
11	Hán Tất Thành	thôn Lê Xoay	60,000,000	
12	Lê Quang Đám	thôn Liên Kết		30,000,000
13	Nguyễn Văn Ngũ	thôn Liên Kết		30,000,000
14	Lê Văn Sinh	thôn Liên Kết		30,000,000
15	Nguyễn Tiến Định	thôn Minh Tân		30,000,000
16	Lê Thị Tuấn	thôn Minh Tân	60,000,000	
IX	Phương Khoan			
1	Bùi Công Chính	thôn Tiến Bộ		30,000,000
2	Nguyễn Văn Bảy	thôn Tiến Bộ	60,000,000	
3	Nguyễn Quang Mạc	thôn Khoan Bộ	60,000,000	
4	Lê Đức Vinh	thôn Khoan Bộ	60,000,000	
5	Nguyễn Văn Đệ	thôn Chiến Thắng	60,000,000	
6	Lê Mạnh Cường	thôn Chiến Thắng	60,000,000	
7	Lê Văn Thu	thôn Dân Chủ	60,000,000	
8	Nguyễn Ngọc Thanh	thôn Đồng Tâm	60,000,000	
9	Đinh Văn Sửu	thôn Thống Nhất		30,000,000
X	Tứ Yên			
1	Hoàng Tiệp	thôn Phú Thượng	60,000,000	
2	Dương Thị Quán	thôn Phú Cường		30,000,000
3	Dương Tiến Thực	thôn Phú Cường		30,000,000
4	Dương Văn Mông	thôn Yên Lương		30,000,000
5	Dương Văn Lựu	thôn Yên Lương	60,000,000	
6	Hoàng Thị Mỹ	thôn Yên Mỹ		30,000,000
7	Nguyễn Văn Vy	thôn Yên Phú	60,000,000	
XI	Như Thụy			
1	Chu Văn Thao	thôn Trung Sơn		30,000,000
2	Đỗ Thị Sụng	thôn Bình Sơn	60,000,000	
3	Nguyễn Văn Luật	thôn Trung Sơn		30,000,000
4	Phạm Thị Thao	thôn Thụy Sơn		30,000,000
XII	Yên Thạch			
1	Nguyễn Thị Lan	thôn Minh Khai		30,000,000
2	Lê Đức Thăng	thôn Minh Khai		30,000,000

Stt	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở đề nghị hỗ trợ (thôn, TDP)	Thuộc diện xây mới nhà ở (tr/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (tr/hộ)
3	Nguyễn Thị Liên	thôn Đoàn Kết		30,000,000
4	Nguyễn Khả Tấn	thôn Đoàn Kết		30,000,000
5	Lê Đình Thận	thôn Đại Thắng		30,000,000
6	Lê Đình Thanh	thôn Đại Thắng		30,000,000
7	Lê Đình Đam	thôn Đại Thắng		30,000,000
8	Nguyễn Thị Nhâm	thôn Đại Thắng	60,000,000	
9	Vũ Kim Chuông	thôn Hoa Mỹ		30,000,000
10	Hà Văn Chanh	thôn Hoa Mỹ		30,000,000
11	Nguyễn Tiến Lý	thôn An Khang		30,000,000
12	Nguyễn Thị Kiều	thôn Sông Lô		30,000,000
XIII	Đồng Thịnh			
1	Dương Xuân Cử	thôn Thiệu Xuân		30,000,000
2	Trần Xuân Đước	thôn Quyết Thắng	60,000,000	
3	Bùi Văn Hồng	thôn Chiến Thắng	60,000,000	
4	Triệu Quang Ngọc	thôn Thượng Yên		30,000,000
5	Lộc Đức Duyệt	thôn Yên Phú		30,000,000
6	Nguyễn Văn Ngoạn	thôn Bằng Phú		30,000,000
7	Nguyễn Ngọc Hùng	thôn Hiệp Lực	60,000,000	
8	Phạm Văn Diêm	thôn Vạn Thắng		30,000,000
9	Lương Thị Hải	thôn Đồng Tâm		30,000,000
10	Nguyễn Xuân Hùng	thôn Đồng Tâm		30,000,000
11	Nguyễn Thị Nhung	thôn Đồng Tâm		30,000,000
12	Bùi Xuân Điệp	thôn Đồng Tâm		30,000,000
XIV	Đức Bắc			
1	Lê Quang Nhiên	thôn Khoái Thọ		30,000,000
2	Trần Mạnh Võ	thôn Giáp Trung		30,000,000
3	Lưu Văn Nãi	thôn Khoái Trung	60,000,000	
4	Đỗ Thị Chử	thôn Khoái Trung	60,000,000	
XV	Cao Phong			
1	Nguyễn Anh Thế	thôn Tổ Gà	60,000,000	
2	Khổng Văn Minh	thôn Cây Xy	60,000,000	
3	Khổng Văn Khai	thôn Cây Xy	60,000,000	
4	Khổng Ngọc Bằng	thôn Phan Dư	60,000,000	
5	Khổng Việt Hoà	thôn Mới	60,000,000	
6	Nguyễn Xuân Tình	thôn Dừng		30,000,000
7	Khổng Văn Nghi	thôn Dừng	60,000,000	
8	Khổng Minh Lô	thôn Dừng	60,000,000	

Stt	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở đề nghị hỗ trợ (thôn, TDP)	Thuộc diện xây mới nhà ở (tr/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (tr/hộ)
9	Không Văn Sừ	thôn Ngọc Bật		30,000,000
10	Không Thị Nhẫn	thôn Mới	60,000,000	
XVI	Thị trấn Tam Sơn			
1	Nguyễn Anh Thắng	TDP Then		30,000,000
	TỔNG CỘNG		2,340,000,000	2,070,000,000
UBND huyện Lập Thạch				
I	TT. HOA SƠN	57		
1	Nguyễn Thị Thịnh	TDP Thái Bình		30,000,000
2	Kiều Kim Thiện	TDP Thái Bình		30,000,000
3	Phạm Thị Ngân	TDP Cộng Hòa		30,000,000
4	Nguyễn Thị Đắc	TDP Cộng Hòa		30,000,000
5	Hà Công Thận	TDP Cộng Hòa	60,000,000	
6	Bùi Xuân Cống	TDP Cộng Hòa		30,000,000
7	Hà Kim Thủy	TDP Cộng Hòa		30,000,000
8	Hà Thị Hỷ	TDP Cộng Hòa		30,000,000
9	Lại Hữu Đãi	TDP Cộng Hòa		30,000,000
10	Hà Trọng Đạt	TDP Cộng Hòa		30,000,000
11	Nguyễn Thị Nghi	TDP Cộng Hòa		30,000,000
12	Phạm Thị Đề	TDP Cộng Hòa		30,000,000
13	Nguyễn Khắc Hải	TDP Cộng Hòa		30,000,000
14	Hồ Thị Mận	TDP Cộng Hòa		30,000,000
15	Vũ Văn Hoạch	TDP Cộng Hòa		30,000,000
16	Nguyễn Thị Át	TDP Cộng Hòa		30,000,000
17	Đặng Xuân Thanh	TDP Hoa Lư		30,000,000
18	Phạm Văn Thúc	TDP Hoa Lư		30,000,000
19	Lê Thị Hảo	TDP Hoa Lư		30,000,000
20	Đinh Văn Kiềm	TDP Hoa Lư	60,000,000	
21	Bùi Quốc Khánh	TDP Hoa Lư		30,000,000
22	Nguyễn Thị Dè	TDP Hoa Lư		30,000,000
23	Hà Trọng Khang	TDP Hòa Bình		30,000,000
24	Hà Thị Thao	TDP Hòa Bình	60,000,000	
25	Lục Văn Chính	TDP Hòa Bình	60,000,000	
26	Nguyễn Tiến Luân	TDP Quảng Khuân		30,000,000

Stt	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở để nghị hỗ trợ (thôn, TDP)	Thuộc diện xây mới nhà ở (tr/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (tr/hộ)
27	Hà Văn Thích	TDP Quảng Khuân		30,000,000
28	Nguyễn Văn Chuông	TDP Quảng Khuân		30,000,000
29	Vũ Trọng Chân	TDP Quảng Khuân		30,000,000
30	Vũ Văn Anh	TDP Quảng Khuân		30,000,000
31	Vũ Văn Thụy	TDP Quảng Khuân		30,000,000
32	Nguyễn Đăng Vang	TDP Quảng Khuân		30,000,000
33	Vũ Thị Thịnh	TDP Quảng Khuân		30,000,000
34	Vũ Văn Nam	TDP Quảng Khuân	60,000,000	
35	Đào Văn Định	TDP Quảng Khuân		30,000,000
36	Nguyễn Thị Bạ	TDP Quảng Khuân		30,000,000
37	Nguyễn Tiến Thuận	TDP Quảng Khuân		30,000,000
38	Vũ Văn Cầu	TDP Quảng Khuân		30,000,000
39	Nguyễn Xuân Hòe	TDP Quảng Khuân		30,000,000
40	Vũ Văn Dụ	TDP Quảng Khuân		30,000,000
41	Vũ Đình Đề	TDP Quảng Khuân		30,000,000
42	Nguyễn Thị Huệ	TDP Xích Thổ		30,000,000
43	Phạm Văn Vững	TDP Xích Thổ		30,000,000
44	Vũ Văn Chức	TDP Xích Thổ		30,000,000
45	Tạ Thị Vận	TDP Xích Thổ		30,000,000
46	Hà Kim Khái	TDP Hòa Bình		30,000,000
47	Vũ Văn Học	TDP Xích Thổ		30,000,000
48	Hà Công Đóm	TDP Hòa Bình	60,000,000	
49	Nguyễn Thế Công	TDP Thái Bình	60,000,000	
50	Nguyễn Thị Thịnh	TDP Quảng Khuân		30,000,000
51	Hà Thị Lưu	TDP Cộng Hòa		30,000,000
52	Hà Kim Tường	TDP Hòa Bình		30,000,000

Stt	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở để nghị hỗ trợ (thôn, TDP)	Thuộc diện xây mới nhà ở (tr/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (tr/hộ)
53	Vũ Kim Mọc	TDP Hòa Bình		30,000,000
54	Hoàng Ngọc Quyên	TDP Hoa Lư		30,000,000
55	Lê Văn Tính	TDP Xích Thổ	60,000,000	
56	Hà Thị Lý	TDP Quảng Khuân		30,000,000
57	Nguyễn Thị Chung	TDP Quảng Khuân		30,000,000
II	TT. LẬP THẠCH	7		
1	Trần Văn Thạch	TDP Phú Chiền	60,000,000	
2	Nguyễn Đăng Yết	TDP Hưng Thịnh	60,000,000	
3	Dương Quyết Thắng	TDP Phú Chiền		30,000,000
4	Nguyễn Văn Minh	TDP Phú Chiền		30,000,000
5	Vũ Thanh Dỵ	TDP Văn Sơn		30,000,000
6	Trần Anh Ca	TDP Phú Lâm		30,000,000
7	Nguyễn Duy Chí	TDP Phú Lâm		30,000,000
III	XÃ BẮC BÌNH	22		
1	Nguyễn Kim Ninh	Thôn Hữu Phúc	60,000,000	
2	Đỗ Văn Cửu	Thôn Hữu Phúc		30,000,000
3	Trịnh Xuân Thắng	Thôn Hữu Phúc		30,000,000
4	Kim Thị Lành	Thôn Hữu Phúc	60,000,000	
5	Nguyễn Văn Kế	Thôn Bình Long		30,000,000
6	Trần Quang Yên	Thôn Bắc Sơn		30,000,000
7	Nguyễn Thị Nghĩa	Thôn Bắc Sơn	60,000,000	
8	Nguyễn Công Hoa	Thôn Bắc Sơn	60,000,000	
9	Trần Văn Sáu	Thôn Bắc Sơn		30,000,000
10	Nguyễn Thị Khang	Thôn Bắc Sơn		30,000,000
11	Đào Quang Học	Thôn Hoàng Chỉ		30,000,000
12	Nguyễn Thị Ninh	Thôn Hoàng Chỉ		30,000,000
13	Vũ Kim Hàm	Thôn Hoàng Chỉ		30,000,000
14	Nguyễn Đình Hoè	Thôn Hoàng Chỉ		30,000,000
15	Nông Văn Sơn	Thôn Hoàng Chỉ	60,000,000	
16	Vũ Văn Dự	Thôn Bình Chỉ		30,000,000
17	Trương Hán Phu	Thôn Bình Chỉ		30,000,000

Stt	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở để nghị hỗ trợ (thôn, TDP)	Thuộc diện xây mới nhà ở (tr/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (tr/hộ)
18	Nguyễn Thị Hà (mẹ đẻ)	Thôn Bình Chỉ		30,000,000
19	Hà Kim Hiệu	Thôn Bình Chỉ		30,000,000
20	Nguyễn Văn Phú	Thôn Yên Thích		30,000,000
21	Hà Thị Tuyên	Thôn Yên Thích	60,000,000	
22	Nguyễn Gia Cam	Thôn Yên Thích		30,000,000
IV	XÃ BÀN GIẢN	11		
1	Nguyễn Thị Tôn	Thôn Tây Hạ Đông		30,000,000
2	Kim Thị Bưởi	Thôn Bò Thầy		30,000,000
3	Trần Thị Ninh	Thôn Đông Lai	60,000,000	
4	Nguyễn Thị Đệ	Thôn Đông Lai	60,000,000	
5	Nguyễn Hồng Thái	Thôn Xuân Me	60,000,000	
6	Hoàng Tôn	Thôn Xuân Me		30,000,000
7	Trần Thị Thư	Thôn Xuân Me	60,000,000	
8	Nguyễn Thị Loan	Thôn Xuân Me	60,000,000	
9	Trần Nho Hoan	Thôn Xuân Me	60,000,000	
10	Trần Thanh Ứng	Thôn Đông Lai		30,000,000
11	Nguyễn Thị Năng	Thôn Hoa Giang	60,000,000	
V	XÃ ĐÌNH CHU	12		
1	Trần Thị Đang	Thôn Thái Sơn	60,000,000	
2	Nguyễn Thị Hiệp	Thôn Phấn Kiến	60,000,000	
3	Trần Văn Chuyền	Thôn Trung Thành	60,000,000	
4	Triệu Thị Bảo	Thôn Phấn Kiến	60,000,000	
5	Trần Đại Phong	Thôn Bình Minh		30,000,000
6	Trần Hồng Thái	Thôn Bình Minh		30,000,000
7	Nguyễn Thái Mai	Thôn Ngọc Vị		30,000,000
8	Nguyễn Thị Cự	Thôn Trung Thành		30,000,000
9	Tạ Thị Ghi	Thôn Thái Sơn		30,000,000

Stt	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở đề nghị hỗ trợ (thôn, TDP)	Thuộc diện xây mới nhà ở (tr/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (tr/hộ)
10	Nguyễn Thị Chiến	Thôn Trung Thành		30,000,000
11	Nguyễn Trọng Nghiêm	Thôn Thái Sơn		30,000,000
12	Nguyễn Hữu Tơ	Thôn Ái Quốc		30,000,000
VI	XÃ ĐỒNG ÍCH	27		
1	Đỗ Quốc Cơ	Thôn Đại Lữ		30,000,000
2	Tạ Thị Doãn	Thôn Đại Lữ	60,000,000	
3	Nguyễn Xuân Nông	Thôn Đại Lữ	60,000,000	
4	Tạ Văn Tập	Thôn Đại Lữ	60,000,000	
5	Trương Lương Quyền	Thôn Đại Lữ	60,000,000	
6	Nguyễn Kim Thanh	Thôn Tân Lập		30,000,000
7	Tạ Đức Kính	Thôn Tân Lập	60,000,000	
8	Trần Quốc Hội	Thôn Tân Lập		30,000,000
9	Đặng Văn Tuệ	Thôn Bì La	60,000,000	
10	Phạm Hải Duy	Thôn Bì La	60,000,000	
11	Đặng Ngọc Sửu	Thôn Bì La	60,000,000	
12	Đặng Hồng Hảo	Thôn Bì La	60,000,000	
13	Trần Đình Nhất	Thôn Bì La		30,000,000
14	Đặng Văn Bướm	Thôn Bì La		30,000,000
15	Lưu Xuân Chiến	Thôn Hạ Ích	60,000,000	
16	Hà Văn Hùng	Thôn Hạ Ích	60,000,000	
17	Nguyễn Văn Bạch	Thôn Hạ Ích	60,000,000	
18	Nguyễn Kim Sen	Thôn Hạ Ích		30,000,000
19	Lưu Thanh Hùng	Thôn Hạ Ích		30,000,000
20	Trần Xuân Bản	Thôn Viên Luận	60,000,000	
21	Hà Thị Vượng	Thôn Viên Luận	60,000,000	
22	Trần Anh Đào	Thôn Viên Luận		30,000,000
23	Đỗ Quốc Sơn	Thôn Xuân Đán	60,000,000	

Stt	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở đề nghị hỗ trợ (thôn, TDP)	Thuộc diện xây mới nhà ở (tr/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (tr/hộ)
24	Phạm Ngọc Minh	Thôn Xuân Đán		30,000,000
25	Nguyễn Khắc Dục	Thôn Hoàng Chung	60,000,000	
26	Nguyễn Văn Bưởi	Thôn Hoàng Chung		30,000,000
27	Triệu Thị Vở	Thôn Hoàng Chung	60,000,000	
VII	XÃ HỢP LÝ	11		
1	Nguyễn Văn Loan	Thôn Phú Cường		30,000,000
2	Vũ Thị Hiền	Thôn Thọ Linh		30,000,000
3	Lê Quang Phát	Thôn Tuỳ Sơn	60,000,000	
4	Nguyễn Văn Quế	Thôn Thọ Linh	60,000,000	
5	Phạm Văn Tiến	Thôn Thọ Linh		30,000,000
6	Lại Thái Hậu	Thôn Thọ Linh		30,000,000
7	Vũ Thị Loan	Thôn Tuỳ Sơn		30,000,000
8	Hoàng Đăng Ninh	Thôn Phú Cường		30,000,000
9	Lại Duy Việt	Thôn Tuỳ Sơn		30,000,000
10	Phan Hùng Sơn	Thôn Phú Cường		30,000,000
11	Phan Văn Sản	Thôn Phú Cường		30,000,000
VIII	XÃ LIÊN HÒA	18		
1	Nguyễn Thị Chính	Thôn Phú Ninh		30,000,000
2	Nguyễn Văn Sách	Thôn Phú Ninh		30,000,000
3	Nguyễn Đình Sử	Thôn Ngọc Liễn		30,000,000
4	Hoàng Minh Tổ	Thôn Ngọc Liễn	60,000,000	
5	Hoàng Thị Tuyết	Thôn Phú Khánh	60,000,000	
6	Lê Hữu Vy	Thôn Làng Bến		30,000,000
7	Bùi Thị Thức	Thôn Làng Bến		30,000,000
8	Bùi Mạnh Hùng	Thôn Làng Bến	60,000,000	
9	Đỗ Ngọc Quý	Thôn Thượng Đạt	60,000,000	
10	Đỗ Văn Luật	Thôn Tây Thượng	60,000,000	
11	Lê Thị Vy	Thôn Tây Thượng		30,000,000
12	Nguyễn Huy Tường	Thôn Tây Thượng		30,000,000
13	Nguyễn Xuân Đương	Thôn Tây Thượng		30,000,000

Stt	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở để nghị hỗ trợ (thôn, TDP)	Thuộc diện xây mới nhà ở (tr/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (tr/hộ)
14	Nguyễn Khắc Được	Thôn Tây Thượng	60,000,000	
15	Đỗ Văn Như	Thôn Tây Thượng	60,000,000	
16	Nguyễn Tiến Đạt	Thôn Tây Thượng	60,000,000	
17	Bùi Văn Huân	Thôn Thượng Đạt		30,000,000
18	Nguyễn Thị Tư	Thôn Thượng Đạt		30,000,000
IX	XÃ LIỄN SƠN	22		
1	Nguyễn Thị Nghê	Thắng Lợi		30,000,000
2	Nguyễn Văn Đức	Đồng Ngõa		30,000,000
3	Trần Văn Phúc	Thắng Lợi	60,000,000	
4	Ngụy Thị Tý	Thắng Lợi		30,000,000
5	Ngụy Hồng Tốt	Thắng Lợi		30,000,000
6	Phan Văn Động	Thản Sơn	60,000,000	
7	Trần Văn Phòng	Thản Sơn		30,000,000
8	Doãn Văn Học	Đá Trắng	60,000,000	
9	Nguyễn Thị Đá	Vinh Quang		30,000,000
10	Đoàn Đức Giang	Vinh Quang	60,000,000	
11	Trần Hùng Sinh	Thản Sơn	60,000,000	
12	Hà Sỹ Quang	Thản Sơn		30,000,000
13	Hà Sỹ Biện	Thản Sơn		30,000,000
14	Nguyễn Đức Thuật	Thắng Lợi	60,000,000	
15	Dương Văn Hải	Xuân Bái		30,000,000
16	Nguyễn Ngọc Tiến	Đồng Ngõa		30,000,000
17	Nguyễn Văn Đáp	Vinh Phú		30,000,000
18	Nguyễn Văn Hội	Vinh Phú	60,000,000	
19	Nguyễn Văn Vinh	Vinh Phú	60,000,000	
20	Nguyễn Mạnh Hùng	Đồng Ngõa		30,000,000
21	Nguyễn Thị Chung	Vinh Quang		30,000,000
22	Bùi Tiến Cường	Vinh Quang		30,000,000
X	XÃ NGỌC MỸ	5		
1	Nguyễn Tiến Thơm	Hòa Loan		30,000,000

Stt	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở đề nghị hỗ trợ (thôn, TDP)	Thuộc diện xây mới nhà ở (tr/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (tr/hộ)
2	Nguyễn Văn Thêu	Minh Sơn	60,000,000	
3	Trần Thị Kim Tửu	Minh Sơn		30,000,000
4	Nguyễn Văn Hùng	Tân Cương		30,000,000
5	Nguyễn Văn Lịch	Tân Cương		30,000,000
XI	XÃ QUANG SƠN	13		
1	Trần Cao Đại	Thôn Ba Trung	60,000,000	
2	Nguyễn Văn Lai	Thôn Ba Trung	60,000,000	
3	Nguyễn Duy Hữu	Thôn Cầu Dưới	60,000,000	
4	Nghiêm Xuân Thanh	Thôn Quảng Cư	60,000,000	
5	Dương Văn Lợi	Thôn Sơn Kịch	60,000,000	
6	Ngô Thị Vân (mẹ đẻ)	Thôn Sơn Kịch		30,000,000
7	Ngô Văn Kha	Thôn Sơn Kịch		30,000,000
8	Đặng Văn Tháp	Thôn Đồng Ái		30,000,000
9	Nguyễn Văn Giới	Thôn Đồng Ái		30,000,000
10	Trần Văn Cộng	Thôn Sơn Kịch		30,000,000
11	Trần Quang Lạc	Thôn Sơn Kịch		30,000,000
12	Lê Xuân Thành	Thôn Kiên Đình		30,000,000
13	Trần Thị Hồng Căn	Thôn Quảng Cư		30,000,000
XII	XÃ SƠN ĐÔNG	15		
1	Trần Thị Keng	Thôn Đền		30,000,000
2	Nguyễn Thành Đồng	Thôn Đền		30,000,000
3	Trần Văn Toàn	Thôn Đền		30,000,000
4	Nguyễn Ngọc Nhẫn	Thôn Đền		30,000,000
5	Hoàng Đức Thịnh	Thôn Quan Tử		30,000,000
6	Phạm Văn Chí	Thôn Yên Hòa		30,000,000
7	Vũ Khắc Thường	Phú Hậu Thượng		30,000,000
8	Lê Vũ Bảo	Thôn Đông Thịnh	60,000,000	
9	Lê Văn Lâm	Thôn Đông Thịnh	60,000,000	
10	Trần Thị Huân	Thôn Đông Thịnh	60,000,000	
11	Đặng Xuân Thu	Thôn Đông Mật	60,000,000	

Stt	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở để nghị hỗ trợ (thôn, TDP)	Thuộc diện xây mới nhà ở (tr/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (tr/hộ)
12	Đặng Kim Sen	Thôn Nam Hải		30,000,000
13	Nguyễn Văn Đài	Thôn Bắc Sơn	60,000,000	
14	Nguyễn Bá Nghiêm	Thôn Bắc Sơn		30,000,000
15	Nguyễn Văn Nguyên	Thôn Bắc Sơn		30,000,000
XIII	XÃ THÁI HÒA	58		
1	Hoàng Văn Đường	Đền		30,000,000
2	Hoàng Bá Chất	Đông Định		30,000,000
3	Hoàng Văn Liên	Gò Giềng		30,000,000
4	Lê Ngọc Chinh	Đồng Làng		30,000,000
5	Hà Văn Đào	Đồng Làng		30,000,000
6	Trần Quốc Hải	Đình Tre		30,000,000
7	Ngô Đức Sang	Chùa Đại Lương		30,000,000
8	Đỗ Văn Thanh	Đình Tre	60,000,000	
9	Nguyễn Văn Thanh	Ngọc Hà		30,000,000
10	Hà Tiến Thủ	Ngọc Hà		30,000,000
11	Đặng Văn Hải	Rừng Kháng		30,000,000
12	Đinh Văn Minh	Đền		30,000,000
13	Hoàng Quang Đông	Đền		30,000,000
14	Nguyễn Văn Thái	Đông Định		30,000,000
15	Nguyễn Văn Yên	Đại Lương		30,000,000
16	Nguyễn Văn Các	Đại Lương		30,000,000
17	Nguyễn Quang Hợp	Đại Lương	60,000,000	
18	Nguyễn Văn Thành	Tây Sơn	60,000,000	
19	Trần Văn Tục	Chùa Đại Lương		30,000,000
20	Hà Văn Vĩnh	Ngọc Hà		30,000,000
21	Nguyễn Thái Vân	Sen Hồ		30,000,000
22	Lưu Xuân Đạo	Chùa Đại Lương		30,000,000
23	Hà Ngọc Vinh	Làng Sen		30,000,000
24	Nguyễn Hữu Văn	Ngọc Hà		30,000,000
25	Nguyễn Hồng Vân	Ngọc Hà		30,000,000
26	Nguyễn Duy Luận	Đền		30,000,000
27	Nguyễn Như Sơn	Đông Định		30,000,000
28	Đỗ Văn Sơn	Đình Tre	60,000,000	
29	Đỗ Văn Nghĩa	Đình Tre		30,000,000

Stt	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở để nghị hỗ trợ (thôn, TDP)	Thuộc diện xây mới nhà ở (tr/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (tr/hộ)
30	Phạm Văn Thái	Đồng Làng		30,000,000
31	Nguyễn Khắc Ước	Làng Sen		30,000,000
32	Hà Văn Thuận	Ngọc Hà		30,000,000
33	Nguyễn Xuân Nhật	Tây Sơn		30,000,000
34	Phạm Quang Thọ	Chùa Đại Lương		30,000,000
35	Lê Thị Nhất	Làng Sen		30,000,000
36	Đỗ Thị Trọng	Đình Tre		30,000,000
37	Đỗ Thị Bán	Đình Tre		30,000,000
38	Hà Thị Chức	Đình Tre	60,000,000	
39	Lê Thị Tấn	Rừng Kháng		30,000,000
40	Nguyễn Thị Vườn	Đền		30,000,000
41	Nguyễn Thị Gái	Gò Giềng		30,000,000
42	Trần Thị Đào	Tây Sơn	60,000,000	
43	Nguyễn Minh Nhiệm	Đồng Làng		30,000,000
44	Hà Xuân Chí	Rừng Kháng	60,000,000	
45	Phạm Ngọc Lương	Đền		30,000,000
46	Hoàng Văn Việt	Gò Giềng		30,000,000
47	Trần Xuân Kỷ	Tây Sơn		30,000,000
48	Nguyễn Văn Phúc	Đền		30,000,000
49	Hà Ngọc Tố	Sen Hồ		30,000,000
50	Lê Văn Niên	Sen Hồ		30,000,000
51	Nguyễn Thị Nhất	Sen Hồ		30,000,000
52	Bùi Văn Học	Sen Hồ		30,000,000
53	Hà Thị Để	Đồng Làng		30,000,000
54	Trần Thị Đồng	Chùa Đại Lương		30,000,000
55	Nguyễn Văn Thời	Đền		30,000,000
56	Nguyễn Thị Lê	Đông Định		30,000,000
57	Nguyễn Văn Nít	Gò Giềng		30,000,000
58	Vũ Thị Phao	Làng Sen		30,000,000
XIV	XÃ TIÊN LŨ	7		
1	Trần Văn Mạc	Thôn Độc		30,000,000
2	Trần Thị Tiềm	Thôn Độc	60,000,000	
3	Đỗ Văn Ngoãn	Thôn Quảng		30,000,000
4	Đào Quang Luận	Thôn Quảng	60,000,000	

Stt	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở đề nghị hỗ trợ (thôn, TDP)	Thuộc diện xây mới nhà ở (tr/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (tr/hộ)
5	Khương Thị Tiếp	Thôn Quang Trung	60,000,000	
6	Trần Đình Hùng	Thôn Minh Trự	60,000,000	
7	Đỗ Thị Hoa	Thôn Vinh Quang	60,000,000	
XV	XÃ TRIỆU ĐỀ	29		
1	Nguyễn Đức Nghi	Vọng Sơn	60,000,000	
2	Nguyễn Thị Oanh	Vọng Sơn	60,000,000	
3	Lưu Xuân Hùng	Vọng Sơn	60,000,000	
4	Trần Thị Thanh	Vọng Sơn	60,000,000	
5	Nguyễn Xuân Quang	Vọng Sơn	60,000,000	
6	Trần Thiện Cơ	Tân Tiến	60,000,000	
7	Trần Văn Khoa	Tân Tiến	60,000,000	
8	Tạ Thị Hiền	Tân Tiến	60,000,000	
9	Phạm Ngọc Quang	Tân Tiến		30,000,000
10	Nguyễn Văn Kiểm	Đoàn Thành		30,000,000
11	Nguyễn Thị Huê	Thành Công		30,000,000
12	Nguyễn Văn Chánh	Thành Công		30,000,000
13	Nguyễn Thị Xuân	Thành Công		30,000,000
14	Nguyễn Thị Thư	Hạnh Phúc		30,000,000
15	Lê Hồng Điệp	Hạnh Phúc		30,000,000
16	Nguyễn Xuân Hải	Yên Bình	60,000,000	
17	Nguyễn Tiến Hàn	Yên Bình		30,000,000
18	Nguyễn Văn Tạo	Yên Bình		30,000,000
19	Lưu Thị Nhuộm	Yên Bình		30,000,000
20	Đinh Văn Chén	Yên Bình		30,000,000
21	Triệu Hoà	Kim Tiến		30,000,000
22	Triệu Văn Giang	Kim Tiến		30,000,000
23	Lưu Văn Bính	Kim Tiến		30,000,000
24	Lưu Hồng Mong	Kim Tiến		30,000,000
25	Đinh Công Tàn	Kim Tiến		30,000,000
26	Triệu Duy Tích	Hương Ngải		30,000,000

Stt	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở đề nghị hỗ trợ (thôn, TDP)	Thuộc diện xây mới nhà ở (tr/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (tr/hộ)
27	Trần Thị Âm	Hùng Sơn	60,000,000	
28	Phạm Văn Minh	Hùng Sơn		30,000,000
29	Trần Thị Mai	Lam Sơn		30,000,000
XVI	XÃ TỬ DU	4		
1	Hà Văn Mạnh	Thôn Vằng		30,000,000
2	Trần Phương Đông	Thôn Gắm		30,000,000
3	Phạm Thanh Hải	Thôn Bản Hậu		30,000,000
4	Nguyễn Văn Ngọc	Thôn Vinh Hoa	60,000,000	
XVII	XÃ VĂN QUÁN	1		
1	Nguyễn Văn Lịch	Thôn Xuân Quang		30,000,000
XVIII	XÃ VÂN TRỰC	11		
1	Trần Lê Duân	Thôn Song Vân		30,000,000
2	Đỗ Đình Nghiệp	Thôn Vân Trục		30,000,000
3	Phan Văn Minh	Thôn Tam Phú		30,000,000
4	Khổng Văn Cử	Thôn Vân Nam		30,000,000
5	Nguyễn Văn Sử	Thôn Bò Tỉnh		30,000,000
6	Nguyễn Hùng Giang	Thôn Đồng Núi		30,000,000
7	Nguyễn Thị Chinh	Thôn Vân Nam		30,000,000
8	Đỗ Thị Hợp	Thôn Bò Tỉnh		30,000,000
9	Trần Kim Tiến	Thôn Con Voi		30,000,000
10	Nguyễn Hữu Được	Thôn Bò Tỉnh		30,000,000
11	Nguyễn Văn Hồng	Thôn Bò Tỉnh		30,000,000
XIX	XÃ XUÂN HÒA	27		
1	Đỗ Văn Yên	Thành Lập	60,000,000	
2	Nguyễn Văn Ngọc	Văn lăm	60,000,000	
3	Trần Văn Dũng	Rừng Chung	60,000,000	
4	Khổng Văn Thúc	Rừng Chám	60,000,000	
5	Nguyễn Văn Núi	Gia Hòa	60,000,000	
6	Nguyễn Văn Sinh	Rừng Chung		30,000,000
7	Kiều Văn Chiến	Xuân Phong		30,000,000
8	Đỗ Quang Hạnh	Thành Lập		30,000,000
9	Trần Thị Đảng	Ngọc Hoa		30,000,000

Stt	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở đề nghị hỗ trợ (thôn, TDP)	Thuộc diện xây mới nhà ở (tr/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (tr/hộ)
10	Nguyễn Văn Tráng	Thành Lập		30,000,000
11	Nguyễn Ngọc Hương	Núi Ngọc		30,000,000
12	Đỗ Tiến Đông	Thành Công		30,000,000
13	Đặng Thị Sùng	Gia Hòa		30,000,000
14	Trần Thị Lưu	Thôn Thành Lập		30,000,000
15	Lê Văn Hồng	Thôn Đồng Quyền		30,000,000
16	Vũ Văn Dân	Thôn Đồng Quyền		30,000,000
17	Đỗ Văn Thanh	Thôn Văn lăm		30,000,000
18	Dương Văn Đạt	Thôn Rừng Chũng		30,000,000
19	Hà Văn Nhâm	Thôn Ngọc Hoa		30,000,000
20	Nguyễn Đình Thi	Thôn Ngọc Hoa		30,000,000
21	Đặng Văn Phú	Thôn Văn lăm		30,000,000
22	Nguyễn Xuân Canh	Thôn Xuân Trạch		30,000,000
23	Nguyễn Đức Ky	Thôn Núi Ngọc		30,000,000
24	Vũ Xuân Canh	Thôn Đồng Chủ		30,000,000
25	Nguyễn Phương Châm	Thôn Đồng Chủ		30,000,000
26	Đỗ Thị Tề	Thôn Rừng Chũng		30,000,000
27	Kiều Thị Đoàn	Thôn Cầu Thao		30,000,000
XX	XÃ XUÂN LÔI	63		
1	Nguyễn Thiệu Hải	Thôn Chiến Thắng		30,000,000
2	Nguyễn Văn Sửu	Thôn Chiến Thắng		30,000,000
3	Vũ Thị Chinh	Thôn Chiến Thắng		30,000,000
4	Đặng Hữu Hải	Thôn Cộng Hoà		30,000,000
5	Nguyễn Thiệu Sinh	Thôn Cộng Hoà	60,000,000	
6	Nguyễn Thiệu Uy	Thôn Cộng Hoà		30,000,000
7	Nguyễn Thị Phú	Thôn Xuân Phong		30,000,000
8	Vũ Thị Vi	Thôn Xuân Phong		30,000,000
9	Vũ Văn Thực	Thôn Đông Xuân		30,000,000
10	Trần Văn Sứng	Thôn Nghĩa An		30,000,000
11	Vũ Thị Thế	Thôn Nghĩa An	60,000,000	
12	Cao Thị Nhâm	Thôn Nghĩa An		30,000,000

Stt	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở để nghị hỗ trợ (thôn, TDP)	Thuộc diện xây mới nhà ở (tr/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (tr/hộ)
13	Trần Kim Xuân	Thôn Nghĩa An		30,000,000
14	Ngô Thị Thịnh	Thôn Nghĩa An	60,000,000	
15	Nguyễn Thị Thìn	Thôn Nghĩa An		30,000,000
16	Trần Văn Lập	Thôn Nghĩa An		30,000,000
17	Nguyễn Thị Luân	Thôn Nghĩa An		30,000,000
18	Ngô Quang Bách	Thôn Nghĩa An		30,000,000
19	Trần Thị Chỉ	Thôn Nghĩa An	60,000,000	
20	Trần Thị Hùng	Thôn Nghĩa An	60,000,000	
21	Nguyễn Thanh Sơn	Thôn Nghĩa An	60,000,000	
22	Nguyễn Chí Hoè	Thôn Nghĩa An		30,000,000
23	Doãn Chí Lượng	Thôn Nghĩa An	60,000,000	
24	Ngô Văn Chát	Thôn Nghĩa An	60,000,000	
25	Ngô Văn Úy	Thôn Nghĩa An		30,000,000
26	Ngô Thị Tý	Thôn Nghĩa An	60,000,000	
27	Vũ Thị Liên	Thôn Nghĩa An		30,000,000
28	Nguyễn Xuân Khanh	Thôn Nghĩa An		30,000,000
29	Ngô Thiết Trụ	Thôn Nghĩa An	60,000,000	
30	Trần Thị Thoa	Thôn Liên Sơn	60,000,000	
31	Nguyễn Thị Chính	Thôn Liên Sơn	60,000,000	
32	Trần Văn Y	Thôn Lục Thụ	60,000,000	
33	Nguyễn Văn Sơn	Thôn Lục Thụ	60,000,000	
34	Nguyễn Việt Thanh	Thôn Lục Thụ	60,000,000	
35	Nguyễn Đức Lợi	Thôn Lục Thụ	60,000,000	
36	Nguyễn Thị Thịnh	Thôn Lục Thụ	60,000,000	
37	Nguyễn Thị Thính	Thôn Lục Thụ	60,000,000	
38	Nguyễn Văn Đắc	Thôn Lục Thụ	60,000,000	
39	Nguyễn Xuân trường	Thôn Lục Thụ		30,000,000

Stt	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở đề nghị hỗ trợ (thôn, TDP)	Thuộc diện xây mới nhà ở (tr/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (tr/hộ)
40	Nguyễn Xuân Khánh	Thôn Lục Thụ		30,000,000
41	Trần Thị Mỹ	Thôn Lục Thụ	60,000,000	
42	Nguyễn Thị Lợi	Thôn Lục Thụ	60,000,000	
43	Nguyễn Xuân Tương	Thôn Lục Thụ	60,000,000	
44	Nguyễn Văn Thị	Thôn Lục Thụ		30,000,000
45	Nguyễn Tiến Dũng	Thôn Lục Thụ		30,000,000
46	Nguyễn Văn Trung	Thôn Lục Thụ		30,000,000
47	Nguyễn Hồng Phong	Thôn Vườn Tràng	60,000,000	
48	Lương Văn Bình	Thôn Vườn Tràng		30,000,000
49	Triệu Thị Nga	Thôn Thi Đua	60,000,000	
50	Phạm Văn Lâm	Thôn Thi Đua	60,000,000	
51	Nguyễn Văn Ty	Thôn Thi Đua		30,000,000
52	Nguyễn Văn Minh	Thôn Đồng Tâm	60,000,000	
53	Phạm Văn Tôn	Thôn Đồng Tâm		30,000,000
54	Nguyễn Văn Cung	Thôn Đồng Tâm	60,000,000	
55	Phạm Văn Phụng	Thôn Đồng Tâm		30,000,000
56	Phạm Văn Vực	Thôn Đồng Tâm		30,000,000
57	Đỗ Văn Hiệp	Thôn Đồng Tâm		30,000,000
58	Phạm Thanh Giản	Thôn Đồng Tâm	60,000,000	
59	Đặng Văn Điều			30,000,000
60	Nguyễn Văn Toàn	Thôn Minh Khai		30,000,000
61	Nguyễn Văn Chí	Thôn Minh Khai		30,000,000
62	Phạm Thị Lư	Thôn Minh Khai		30,000,000
63	Nguyễn Thị Khôn	Thôn Minh Khai	60,000,000	
	TỔNG CỘNG		7,800,000,000	8,700,000,000
UBND thành phố Vĩnh Yên				
I	Xã Thanh Trù			
1	Lương Xuân Thảo	Thôn Đồng Sắn	60,000,000	
2	Hà Văn Sinh	Thôn Đông Xuân		30,000,000
II	Phường Liên Bảo			

Stt	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở để nghị hỗ trợ (thôn, TDP)	Thuộc diện xây mới nhà ở (tr/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (tr/hộ)
1	Nguyễn Văn Thắng	TDP Làng Bàu		30,000,000
2	Nguyễn Văn Lập	TDP An Lập		30,000,000
3	Lê Xuân Thống	TDP Bà Triệu		30,000,000
III	Phường Hội Hợp			
1	Nguyễn Văn Phú	TDP An Phú		30,000,000
2	Phạm Thị Nguyệt	TDP Quán Tiên		30,000,000
3	Phùng Văn Mãng	TDP Cả, Hội Hợp, thành phố Vinh Yên	60,000,000	
4	Nguyễn Đình Lợi	TDP Cả	60,000,000	
5	Phùng Thị Nhạc	TDP Núi	60,000,000	
IV	Phường Đồng Tâm			
1	Trần Văn Trịnh	TDP Lạc Ý 3		30,000,000
2	Phùng Gia Bé	TDP Lạc Ý 1	60,000,000	
3	Nguyễn Văn Giới	TDP Lai Sơn		30,000,000
TỔNG CỘNG			300,000,000	240,000,000
UBND thành phố Phúc Yên				
I	Phường Phúc Thắng			
1	Nguyễn Thị Nga Xô	Phường Phúc Thắng	60,000,000	
II	Phường Đồng Xuân			
1	Phạm Khắc Tĩnh	Phường Đồng Xuân	60,000,000	
III	Xã Ngọc Thanh			
1	Phan Thị Bẩy	Xã Ngọc Thanh		30,000,000
IV	Phường Tiên Châu			
1	Nguyễn Thị Kỷ	Phường Tiên Châu		30,000,000
2	Đào Gia Thiện	Phường Tiên Châu		30,000,000
V	Xã Cao Minh			
1	Đỗ Thị Phấn	xã Cao Minh		30,000,000
	TỔNG CỘNG		120,000,000	120,000,000
UBND huyện Bình Xuyên				
I	UBND thị trấn Thanh Lãng			

Stt	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở để nghị hỗ trợ (thôn, TDP)	Thuộc diện xây mới nhà ở (tr/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (tr/hộ)
1	Nguyễn Thị Vy	TDP Đồng Lý, TT Thanh Lăng	60,000,000	
II	UBND thị trấn Gia Khánh			
1	Nguyễn Thị Giáp	TDP Gốc Gạo - TT Gia Khánh	60,000,000	
2	Nguyễn Kim Tuấn	TDP Cơ Khí - TT Gia Khánh		30,000,000
3	Phan Văn Hồng	TDP Gia Du - TT Gia Khánh		30,000,000
III	UBND thị trấn Đạo Đức			
1	Nguyễn Đình Lan	TDP Đông Đoài, TT Đạo Đức		30,000,000
2	Ngô Văn Thi	TDP Đông Đoài, TT Đạo Đức		30,000,000
3	Nguyễn Hoàng Hùng	TDP Đông Đoài, TT Đạo Đức		30,000,000
4	Nguyễn Thị Thung	TDP Chùa, TT Đạo Đức		30,000,000
5	Lê Thập	TDP Trại Giữa, TT Đạo Đức		30,000,000
6	Nguyễn Hồng Dương	TDP Kếu, TT Đạo Đức	60,000,000	
7	Trần Xuân Tịch	TDP Kếu, TT Đạo Đức	60,000,000	
8	Trần Văn Lư	TDP Thượng Đức, TT Đạo Đức	60,000,000	
IV	UBND xã Sơn Lôi			
1	Đỗ Ngọc Âm	Thôn Bá cầu, xã Sơn Lôi		30,000,000
2	Nguyễn Văn Diễn	Thôn An Lão, xã Sơn Lôi		30,000,000
3	Đỗ Cao Trọng	Thôn Bá Cầu, xã Sơn Lôi		30,000,000
V	UBND xã Hương Sơn			
1	Nguyễn Thị Thịnh	Thôn Xây Dựng, xã Thiện Kế	60,000,000	

Stt	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở đề nghị hỗ trợ (thôn, TDP)	Thuộc diện xây mới nhà ở (tr/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (tr/hộ)
2	Nguyễn Hữu Hùng	Thôn Chân Sơn xã Hương Sơn		30,000,000
3	Lại Văn Lập	Thôn Ba Mô, xã Hương Sơn		30,000,000
4	Nguyễn Thị Xuân	Thôn Tam Lộng, xã Hương Sơn	60,000,000	
5	Đỗ Ngọc Phụng	Thôn Thiều Khanh, xã Hương Sơn		30,000,000
VI	UBND thị trấn Hương Canh			
1	Nguyễn Tuấn Đình	TDP Lang Bàu, TT Hương Canh		30,000,000
VII	UBND xã Phú Xuân			
1	Nguyễn Hoàng Giang	Thôn Lý Hải, xã Phú Xuân		30,000,000
2	Nguyễn Mạnh Thương	Thôn Can Bi2, xã Phú Xuân		30,000,000
3	Hoàng Văn Long	Thôn Kim Thái, xã Phú Xuân	60,000,000	
VIII	UBND xã Trung Mỹ			
1	Lưu Ngọc Truyền	Thôn Mỹ Khê, xã Trung Mỹ	60,000,000	
VIII	UBND thị trấn Bá Hiến			
1	Tạ Xuân Thuật	TDP Bắc Kê, Bá Hiến		30,000,000
IX	UBND xã Tam Hợp			
1	Nguyễn Văn Ất	Thôn Hữu Bằng - Tam Hợp		30,000,000
2	Đào Thị Thuý	Thôn Ngoai Trạch 2, Tam Hợp	60,000,000	
X	UBND xã Quất Lưu			
1	Nguyễn Thị Hiền	Thôn Núi, Quất Lưu		30,000,000
2	Nguyễn Văn Lập	Thôn Núi, Quất Lưu	60,000,000	
3	Đỗ Văn Trường	Thôn Chung, Quất Lưu		30,000,000
	TỔNG CỘNG		660,000,000	600,000,000

Stt	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở để nghị hỗ trợ (thôn, TDP)	Thuộc diện xây mới nhà ở (tr/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (tr/hộ)
UBND huyện Tam Dương				
I	Xã Hoàng Hoa			
1	Trần Văn Lập	Thôn 1		30,000,000
2	Hà Văn Xuyên	Thôn 1	60,000,000	
3	Hà Văn Hải	Thôn 4		30,000,000
4	Đỗ Văn Hùng	Thôn 9	60,000,000	
5	Đinh Văn Lộc	Thôn 9	60,000,000	
6	Vương Thị Loan	Thôn 9		30,000,000
7	Đinh Văn Khóa	Thôn 10		30,000,000
8	Vương Văn Tuấn	Thôn 10		30,000,000
9	Phùng Văn Niệm	Thôn 10		30,000,000
10	Nguyễn Văn Nghiêm	Thôn 5	60,000,000	
11	Trần Như Sách	Thôn 2		30,000,000
12	Nguyễn Văn Việt	Thôn 2		30,000,000
13	Nguyễn Hữu Thanh	Thôn 7	60,000,000	
14	Nguyễn Hồng Khuê	Thôn 7	60,000,000	
15	Nguyễn Văn Độ	Thôn 7	60,000,000	
16	Phạm Văn Thước	Thôn 12		30,000,000
17	Phạm Văn Tình	Thôn 12		30,000,000
18	Hà Quốc Lợi	Thôn 11		30,000,000
19	Trần Kim Ân	Thôn 11	60,000,000	
II	Xã Đồng Tĩnh			
1	Nguyễn Đức Long	Thôn Ngọc Thạch		30,000,000
2	Phùng Văn Hùng	Thôn Cổ Tích		30,000,000
3	Lăng Thị Thận	Thôn Cổ Tích	60,000,000	
4	Hoàng Văn Toàn	Thôn Tự Do		30,000,000
5	Nguyễn Thế Vị	Thôn Chiến Thắng		30,000,000
6	Nguyễn Ngọc Chiến	Thôn Linh Dầu	60,000,000	
7	Đào Thị Viết	Thôn Linh Dầu	60,000,000	
8	Phạm Tiến Khang	Thôn Tràng Dầu		30,000,000
9	Hà Văn Hật	Thôn Tràng Dầu		30,000,000
10	Phạm Văn Lập	Thôn Quang Trung		30,000,000
11	Nguyễn Văn Thành	Thôn Linh Dầu		30,000,000
12	Nguyễn Xuân Ngoạn	Thôn Hòa Thịnh		30,000,000
13	Phạm Đức Thắng	Thôn Nam Thịnh		30,000,000

Stt	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở để nghị hỗ trợ (thôn, TDP)	Thuộc diện xây mới nhà ở (tr/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (tr/hộ)
14	Phùng Thị Tóa	Thôn Cổ Tích		30,000,000
15	Đào Trung Thích	Thôn Ngọc Thạch		30,000,000
16	Nguyễn Xuân Dự	Thôn Tràng Dầu		30,000,000
17	Nguyễn Khắc Hùng	Thôn Tràng Dầu		30,000,000
18	Phùng Xuân Trường	Thôn Cổ Tích		30,000,000
19	Phạm Trọng Lịch	Thôn Hợp Hòa	60,000,000	
20	Nguyễn Thị Hải	Thôn Nam Thịnh		30,000,000
21	Trần Quốc Bình	Thôn Nam Thịnh		30,000,000
22	Nguyễn Văn Tuất	Thôn Tràng Dầu		30,000,000
23	Phạm Trọng Trường	Thôn Tự Do		30,000,000
24	Trần Văn Long	Thôn Tràng Dầu		30,000,000
25	Nguyễn Văn Thư	Thôn Tiên Phong		30,000,000
26	Phạm Xuân Hòe	Thôn Đồng Trung		30,000,000
27	Nguyễn Quang Chấn	Thôn Tràng Dầu		30,000,000
28	Đào Thị Luận	Thôn Tràng Dầu		30,000,000
29	Lê Minh Đông	Thôn Nam Thịnh		30,000,000
30	Phùng Thị Hiên	Thôn Chiến Thắng		30,000,000
31	Nguyễn Văn Thơ	Thôn Lê Lợi		30,000,000
32	Đào Văn Hữu	Thôn Lê Lợi	60,000,000	
33	Nguyễn Xuân Chính	Thôn Cổ Tích		30,000,000
III	Xã Hướng Đạo			
1	Nguyễn Văn Viện	Thôn Cống Sau		30,000,000
2	Nguyễn Văn Cường	Thôn Cống Sau	60,000,000	
3	Nguyễn Văn Đăng	Thôn Cống Sau	60,000,000	
4	Hoàng Văn Kim	Thôn Bồ Yên		30,000,000
5	Phùng Quốc Nghị	Thôn Bồ Yên	60,000,000	
6	Phùng Văn Cẩn	Thôn Bồ Yên	60,000,000	
7	Phạm Minh Trương	Thôn Cao Hảo	60,000,000	
8	Dương Viết Chế	Thôn Cao Hảo		30,000,000
9	Nguyễn Văn Huân	Thôn Cao Hảo	60,000,000	
10	Phùng Hữu Ngân	Thôn Mới		30,000,000
11	Nguyễn Ngọc Chuẩn	Thôn Thông	60,000,000	
12	Nguyễn Văn Thoét	Thôn Thông		30,000,000
13	Vũ Quang Trung	Thôn Thông		30,000,000
14	Dương Văn Hợi	Thôn Sau		30,000,000
IV	Xã An Hòa			

Stt	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở đề nghị hỗ trợ (thôn, TDP)	Thuộc diện xây mới nhà ở (tr/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (tr/hộ)
1	Nguyễn Xuân Thảo	Thôn Nội Điện	60,000,000	
2	Vũ Văn Chén	Thôn Yên Thượng	60,000,000	
3	Đỗ Thị Hương	Thôn Yên Thượng	60,000,000	
4	Triệu Quốc Thụy	Thôn Ngọc Thạch 1		30,000,000
5	Đào Văn Dự	Thôn Ngọc Thạch 2		30,000,000
V	Xã Đạo Tú			
1	Lại Quang Trực	Thôn Long Sơn Giềng	60,000,000	
2	Lại Văn Mùi	Thôn Long Sơn Giềng	60,000,000	
3	Ngô Công Định	Thôn Long Sơn Giềng		30,000,000
4	Vũ Thị Minh	Thôn Cẩm Trạch		30,000,000
5	Nguyễn Thị Cậy	Thôn Cẩm Trạch		30,000,000
6	Nguyễn Thị Bách	Thôn Cẩm Trạch		30,000,000
VI	Xã Duy Phiên			
1	Trần Thị Chín	Thôn Mai Nham		30,000,000
2	Nguyễn Đức Quý	Thôn Mai Nham		30,000,000
3	Vũ Thị Lũy	Thôn Mai Nham	60,000,000	
4	Cao Thị Lập	Thôn Mai Nham		30,000,000
5	Vũ Văn Đệ	Thôn Mai Nham		30,000,000
6	Nguyễn Văn Châu	Thôn Thượng	60,000,000	
7	Phạm Văn Biên	Thôn Thượng		30,000,000
8	Dương Văn Nuôi	Thôn Thượng		30,000,000
9	Vũ Hữu Xuất	Thôn Thượng		30,000,000
VII	Xã Hoàng Đan			
1	Phan Thị Quyền	Thôn Bắc 2		30,000,000
2	Lê Xuân Tĩnh	Thôn Đoài Đố	60,000,000	
3	Lê Thị Thanh Hương	Thôn Đoài Đố		30,000,000
4	Lê Văn Thành	Thôn Đông		30,000,000
5	Nguyễn Văn Hiếu	Thôn Châu		30,000,000
6	Trương Thị Luyện	Thôn Cầu	60,000,000	
7	Phùng Văn Mút	Thôn Cầu	60,000,000	
VIII	Thị trấn Hợp Hòa			
1	Nguyễn Văn Thái	TDP Đông Cao		30,000,000
2	Nguyễn Đức Huân	TDP Đông Cao		30,000,000

Stt	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở để nghị hỗ trợ (thôn, TDP)	Thuộc diện xây mới nhà ở (tr/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (tr/hộ)
IX	Thị trấn Kim Long			
1	Phí Ngọc Thịnh	TDP Đồng Bông	60,000,000	
2	Đặng Văn Yên	TDP Đồng Bông	60,000,000	
3	Lê Văn Ấp	TDP Đồng Bông		30,000,000
4	Vũ Xuân Sang	TDP Đồng Bông		30,000,000
5	Lê Xuân Kiên	TDP Đồng Bông	60,000,000	
6	Chu Đức Diễm	TDP Đồng Bông	60,000,000	
7	Nguyễn Bá Nhường	TDP Đồng Tâm		30,000,000
8	Tạ Văn Tích	TDP Đồng Tâm	60,000,000	
9	Nguyễn Văn Kiểm	TDP Đồng Tâm	60,000,000	
10	Phạm Thị Giàng	TDP Gò		30,000,000
11	Nguyễn Hồng Phong	TDP 7	60,000,000	
12	Bùi Quang Trọng	TDP Hữu Thủ 1		30,000,000
13	Nguyễn Thị Mười	TDP Hữu Thủ 1		30,000,000
14	Bùi Quang Sáp	TDP Đồng Ấng	60,000,000	
15	Hoàng Văn Yên	TDP Hữu Thủ 2		30,000,000
	TỔNG CỘNG		2,280,000,000	2,160,000,000
UBND huyện Tam Đảo				
I	TT Đại Đình			
1	Nguyễn Thái Học	Sơn Thanh	60,000,000	
2	Lê Văn Tích	Đại Điền	60,000,000	
3	Trương Văn Sinh	Hữu Tài		30,000,000
1	Nguyễn Đức Tĩnh	Ngọc Thụ		30,000,000
2	Trần Việt Châu	Bồ Ngoài		30,000,000
3	Lê Đình Khang	Chùa Bồi	60,000,000	
4	Lê Thanh Suất	Đồng Bụt	60,000,000	
5	Nguyễn Văn Cảnh	Đồng Bụt		30,000,000
6	Vũ Văn Được	Nghĩa Lý	60,000,000	
7	Lương Minh Khải	Bồ Trong	60,000,000	
8	Vũ Văn Thìn	Cầu Chang		30,000,000
9	Kim Đình Trọng	Cầu Chang	60,000,000	
10	Trần Tiến Lóc	Bồ Ngoài	60,000,000	
III	Xã Minh Quang			
1	Dương Văn Hai	Bản Long		30,000,000
2	Nguyễn Văn Lượng	Bản Long		30,000,000
3	Nguyễn Khắc Niên	Minh Tân		30,000,000

Stt	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở để nghị hỗ trợ (thôn, TDP)	Thuộc diện xây mới nhà ở (tr/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (tr/hộ)
4	Lưu Thị Ba	Lưu Quang	60,000,000	
5	Trần Văn Bưởi	Cam Lâm	60,000,000	
6	Vũ Quang Trung	Chùa Vàng		30,000,000
7	Nguyễn Văn Thái	Chùa Vàng		30,000,000
8	Nguyễn Văn Lạc	Chùa Vàng		30,000,000
9	Nguyễn Ngọc Thanh	Chùa Vàng		30,000,000
10	Nguyễn Văn Lý	Minh Hồng	60,000,000	
11	Nguyễn Văn Thành	Cam Lâm Đồn		30,000,000
12	Nguyễn Xuân Cúc	Cam Lâm Đồn	60,000,000	
13	Nguyễn Tiến Thắng	Tân Lương		30,000,000
14	Vũ Cao Lãnh	Tân Lương	60,000,000	
15	Nguyễn Hồng Tâm	Tân Lương		30,000,000
IV	Yên Dương			
1	Vũ Văn Thạch	Đồng Thành	60,000,000	
2	Ngô Trọng Thông	Đồng Quán	60,000,000	
3	Phạm Văn Lâm	Đồng Thành	60,000,000	
4	Nguyễn Xuân Thanh	Yên Phú		30,000,000
5	Trần Trung Thành	Đồng Thành		30,000,000
V	Xã Hồ Sơn			
1	Nguyễn Văn Lừu	Đồng Thanh	60,000,000	
2	Nhậm Ngọc Hồng	Đồng Thanh	60,000,000	
3	Nguyễn Công Đông	Núc Hạ	60,000,000	
4	Phí Đức Nhung	Sơn Đồng		30,000,000
5	Phạm Văn Lâm	Núc Thương	60,000,000	
6	Trần Văn Ba	Cầu Tre	60,000,000	
7	Lâm Văn Tám	Núc Thương	60,000,000	
8	Lê Thị Phú	Sơn Đồng	60,000,000	
9	Lê Thị Bằng	Sơn Đồng	60,000,000	
VI	Xã Tam Quan			
1	Kim Văn Quý	Đồng Bua		30,000,000
2	Kim Văn Đua	Đồng Bua		30,000,000
3	Nguyễn Văn Hợi	Đồng Bua		30,000,000
4	Phạm Văn Cường	Đồng Bua	60,000,000	
5	Tạ Văn Tình	Đồng Bua		30,000,000
6	Nguyễn Xuân Tý	Đồng Bua		30,000,000
7	Hoàng Hải	Kiên Tháp	60,000,000	
8	Nguyễn Đình Quảng	Kiên Tháp		30,000,000

Stt	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở để nghị hỗ trợ (thôn, TDP)	Thuộc diện xây mới nhà ở (tr/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (tr/hộ)
9	Nguyễn Văn Nhâm	Kiên Tháp		30,000,000
10	Nguyễn Văn Thung	Kiên Tháp		30,000,000
11	Lại Ngọc Điệp	Kiên Tràng		30,000,000
12	Phí Thị Lý	Kiên Tràng		30,000,000
13	Vũ Thị Minh	Làng Chanh		30,000,000
14	Nguyễn Văn Việc	Làng Chanh	60,000,000	
15	Lăng Thị Loan	Làng Chanh		30,000,000
16	Dương Minh Hiền	Làng Mầu	60,000,000	
17	Dương Ngọc Hiền	Làng Mầu		30,000,000
18	Nguyễn Quốc Bào	Làng Mầu	60,000,000	
19	Trần Quang Hải	Làng Mầu		30,000,000
20	Trần Quế	Làng Mầu	60,000,000	
21	Trần Thị Chử	Làng Mầu		30,000,000
22	Lại Hữu Năng	Làng Mầu		30,000,000
23	Nguyễn Văn Sân	Nhân Lý	60,000,000	
24	Nguyễn Văn Phảng	Nhân Lý		30,000,000
25	Lê Minh Đức	Nhân Lý		30,000,000
26	Phan Văn San	Quan Đình		30,000,000
27	Nguyễn Văn Tho	Quan Đình		30,000,000
28	Dương Văn Cây	Quan Đình		30,000,000
29	Dương Văn Hồng	Quan Nội		30,000,000
30	Nguyễn Văn Doanh	Quan Nội		30,000,000
31	Triệu Khắc Bằng	Quan Nội		30,000,000
32	Triệu Khắc Chiến	Quan Nội		30,000,000
33	Triệu Ty	Quan Nội		30,000,000
34	Đào Duy Bang	Quan Ngoại		30,000,000
35	Vũ Thị Hát	Quan Ngoại		30,000,000
36	Lê Văn Quý	Quan Ngoại		30,000,000
37	Đào Văn Mười	Quan Ngoại	60,000,000	
38	Đào Văn Mùa	Quan Ngoại	60,000,000	
39	Nguyễn Đình Duy	Quan Ngoại		30,000,000
40	Nguyễn Ngọc Lâm	Thôn Quảng	60,000,000	
41	Đào Văn Chuôm	Thôn Quảng		30,000,000
42	Nguyễn Thị Lủi	Thôn Quảng		30,000,000
43	Đào Văn Nghị	Yên Chung		30,000,000
44	Phạm Văn Hưng	Yên Chung		30,000,000
45	Nguyễn Hữu Bình	Làng Mạ	60,000,000	

Stt	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở đề nghị hỗ trợ (thôn, TDP)	Thuộc diện xây mới nhà ở (tr/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (tr/hộ)
46	Nguyễn Thị Cỗi	Làng Mạ	60,000,000	
47	Vũ Văn Hòa	Làng Mạ		30,000,000
48	Nguyễn Thị Lành	Làng Mạ		30,000,000
49	Trần Văn Bình	Làng Mạ		30,000,000
	TỔNG CỘNG		2,160,000,000	1,650,000,000